

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HS-ST
Ngày 20 – 5 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị Hải và bà Phan Thị Mỹ Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biển - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Ksor Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở TAND huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2021/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Nay N, sinh năm 1980, tại huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn H, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ksor C và bà Nay H; có vợ và 03 con, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú được tại ngoại cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ban quản lý rừng phòng hộ N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thi T – Trưởng ban.

Địa chỉ: Tổ w, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Ngô Thị V – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Nay T, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Buôn H, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai*: Ông Nay Dăm T, sinh năm 1986. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 03/2019, Nay N đã tự ý một mình dùng cưa xăng, dao rựa cắt hạ cây gỗ rừng tự nhiên trái phép trong khoảng 15 ngày, nhằm mục đích để lấy đất sản xuất, với hình thức khai thác trắng tại lô 4, 6, 7 khoảnh 6, tiểu khu 1419 lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ N thuộc địa giới hành chính xã I.

Ngày 23/7/2020, Hạt kiểm lâm huyện K phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ N, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tiến hành khám nghiệm hiện trường rừng bị chặt phá. Đối chiếu bản đồ quy hoạch 3 loại rừng theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai để xác định vị trí, loại rừng, khối lượng gỗ, củ bị thiệt hại thực tế tại hiện trường như sau: Địa điểm phá rừng tại lô 4, 6, 7, khoảnh 6, tiểu khu 1419; loại rừng sản xuất, trạng thái rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo (TXN) thuộc Ban Ban quản lý rừng phòng hộ N quản lý. Tại thời điểm kiểm tra, xác minh các vết chặt nhận thấy dụng cụ chặt hạ bằng cưa xăng, dao rựa; hình thức chặt trắng; thân, cành, ngọn cây được gom đốt nhưng chưa cháy hết, một phần diện tích đã trồng cây mỳ, lúa; cây bị chặt có đường kính gốc từ 10cm - 60cm, chiều cao gốc chặt từ 15cm – 95cm; Loại cây bị chặt chủ yếu là Cầm xe, Bằng lăng, Ké, Dầu nước, Vừng, Trâm tía, Thành ngạnh, Kơ nia, Kháo, Cám, Sỗ bà, Trám trắng, SP... Thời gian chặt hạ khoảng tháng 03/2019. Diện tích rừng bị chặt phá là 6.800 m². Tiến hành đo đếm các gốc cây bị chặt phá, lập biểu tính lâm sản bị thiệt hại trên diện tích rừng bị phá trái phép, gỗ tròn nhóm II – VIII có khối lượng: 18,378m³, củ nhóm II – VIII, có khối lượng: 1,930 Ster.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐG ngày 21/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện K xác định thiệt hại về lâm sản là 40.994.792 đồng và thiệt hại về môi trường rừng là 8.363.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại trên diện tích rừng bị phá trái phép 6.800m² là 49.357.792 đồng (*Bốn mươi chín triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi hai đồng*).

Về dân sự: Ông Hoàng Thi T là người đại diện theo pháp luật của bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ N đề nghị bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra.

Tại phiên tòa ông Hoàng Thi T đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhưng không cho bị cáo được hưởng án treo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người đại diện theo pháp luật của bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nay N về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nay N phạm vào tội “*Hủy hoại rừng*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS: xử phạt bị cáo Nay N từ 14 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 của BLHS; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo Nay N phải bồi thường cho bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ N số tiền thiệt hại còn lại là 46.357.792 đồng; tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 dao rựa và 01 cưa xích.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Quan điểm bào chữa của trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện sát nhân dân huyện K về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ. Nhưng do bị cáo là lao động chính trong gia đình có 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 của BLHS, thuộc diện hộ nghèo và có con nhỏ nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm Điều 65 của BLHS xử phạt bị cáo 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo để bị cáo có điều kiện về làm kinh tế lo cho gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng tháng 03/2019, tại lô 4, 6, 7 khoảnh 6, tiểu khu 1419 lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ N thuộc địa giới hành chính xã I, huyện K. Bị cáo N đã có hành vi một mình tự ý dùng cưa xăng, dao rựa cắt hạ cây gỗ rừng tự nhiên trái phép, loại rừng sản xuất, trạng thái rừng thường xanh nghèo nhằm mục đích lấy đất sản xuất với diện tích rừng bị chặt phá trái phép là 6.800 m², gây thiệt hại về lâm sản là 40.994.792 đồng và thiệt hại về môi trường rừng là 8.363.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại trên diện tích rừng bị phá trái phép là 49.357.792 đồng (*Bốn mươi chín triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng*).

Việc bị cáo N tự ý dùng dao rựa, cưa xăng chặt phá diện tích 6.800 m² rừng tại lô 4, 6, 7 khoảnh 6, tiểu khu 1419, thuộc loại rừng sản xuất để lấy đất làm rẫy mà không có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền là đã phạm vào tội “*Hủy hoại rừng*”. Diện tích rừng mà bị cáo N chặt phá là 6.800 m² đã thỏa mãn định mức được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của BLHS, nên Hạt kiểm lâm huyện K đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 09/QĐ-KTVAHS ngày 20/7/2020 về tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại khoản 1 Điều 243 của BLHS và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K điều tra theo thẩm quyền là đúng luật định. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo rõ ràng là có lỗi và sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo N phạm vào tội “*Hủy hoại rừng*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh trên là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo N chặt phá 6.800 m² rừng không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở điểm b khoản 1 Điều 243 của BLHS là phù hợp.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo N là người trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là chặt phá rừng lấy đất làm nương rẫy đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài nguyên rừng của quốc gia đang được Nhà nước và nhân dân quan tâm chăm sóc và bảo vệ. Nay cần xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là điều cần thiết.

Trong vụ án này thì bị cáo N một mình trực tiếp thực hiện hành vi chặt phá, hủy hoại diện tích 6.800m² rừng nên bị cáo N phải chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự về tội “*Hủy hoại rừng*” theo tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của BLHS. Nhưng bị cáo N là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự,

không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tại phiên tòa bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, thật sự có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã bồi thường được một phần thiệt hại cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Mặt khác, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng sâu, vùng xa, có sự nhận thức hạn chế về pháp luật, đi chặt phá rừng với mục đích là lấy đất làm nương rẫy phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Đây được coi là các tình tiết giảm nhẹ khác được áp dụng cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, quan điểm của người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát thì HĐXX thấy bị cáo N lần đầu thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng sâu, vùng xa, có sự nhận thức hạn chế về pháp luật, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Nhưng mặc dù bị cáo dù đã có 02 hecta đất sản xuất tuy nhiên vẫn cố ý thực hiện việc phá rừng để lấy thêm đất để trồng lúa ngô phục vụ nhu cầu cuộc sống. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để nhằm mục đích trừng trị nhưng cũng giúp cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời qua đó răn đe và phòng ngừa loại tội phạm này tái diễn trên địa bàn huyện K đang có chiều hướng gia tăng trong thời gian gần đây.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Không chấp nhận lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo vì những phân tích nêu trên.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Người đại diện theo pháp luật của bị hại yêu cầu bị cáo N phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về lâm sản và thiệt hại về môi trường với tổng cộng số tiền 49.357.792 đồng theo như kết quả định giá là có căn cứ. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì bị cáo N đã bồi thường được 3.000.000 đồng cho bị hại. Do đó, cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại với số tiền thiệt hại còn lại là 46.357.792 đồng.

[6] *Về xử lý vật chứng:*

01 (Một) dao quắm dài 76cm, cán bằng tre dài 45cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 31cm mũi dao quắm, vị trí đầu cán dao nối với lưỡi dao bọc một lớp kim loại dài 09cm và 01 (Một) cửa lóc máy không rõ nhãn hiệu, màu sơn cam - đen, có đủ lam và lưỡi cửa, không có lắp lọc gió bảo vệ bình xăng phía trên, tay cầm phía trước có bọc một lớp nhựa màu xám có giá trị nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/02/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[7] *Về hình phạt bổ sung*: Do bị cáo N thuộc diện hộ nghèo, không có tài sản gì có giá trị cho nên HĐXX quyết định không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] *Về án phí*: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai là xã đặc biệt khó khăn của huyện K theo quy định của Chính phủ, đồng thời bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

HĐXX quyết định miễn toàn bộ án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo N.

Trong vụ án này, bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ N cũng có một phần trách nhiệm, thiếu kiểm tra, kiểm soát đối với diện tích rừng được Nhà nước giao quản lý, bảo vệ để xảy ra tình trạng huỷ hoại rừng, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước. Do đó, thông qua Bản án này, Hội đồng xét xử kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ N trong việc để xảy ra tình trạng huỷ hoại rừng, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nay N phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nay N 14 (*Mười bốn*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Nay N phải bồi thường cho bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ N toàn bộ thiệt hại còn lại với tổng số tiền là 46.357.792 đồng (Bốn mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) cửa lốc máy không rõ nhãn hiệu, màu sơn cam - đen, có đủ lam và lưỡi cửa, không có lắp lọc gió bảo vệ bình xăng phía trên, tay cầm phía trước có bọc một lớp nhựa màu xám và 01 (Một) dao quắm dài 76cm, cán bằng tre dài 45cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 31cm mũi dao quắm, vị trí đầu cán dao nối với lưỡi dao bọc một lớp kim loại dài 09cm.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/02/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn toàn bộ án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nay N.

Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/5/2021) để yêu cầu Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Krông Pa;
- Công an huyện Krông Pa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Chi cục THADS h.Krông Pa;
- Lưu HS vụ án, THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn